

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HN&GD-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình.

2. Bà Lê Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2022/TLST-HN&GD, ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HN&GD, ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2022/QĐST- HN&GD, ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị BTTH, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Số A, đường TBT, khu phố B, thị trấn VX, huyện DL, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Anh NĐB, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số A, đường TBT, khu phố B, thị trấn VX, huyện DL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 14/3/2022 cùng các bản tự khai, chứng cứ khác của chị BTTH có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh NĐB tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn: 53/2011, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 04/5/2011. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh B cờ bạc, nhậu nhẹt, chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không thay đổi. Cuộc sống như thế kéo dài, lập đi lập lại, tạo nhiều áp lực cho chị. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh B nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh B có với nhau 01 người con chung tên: NBNY, sinh ngày 17/01/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03/8/2022 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong suốt quá trình tố tụng vụ án cũng như thời gian mở phiên tòa, bị đơn – anh NĐB không tham gia, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ các loại văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh B. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn.

Về con chung: Vì anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con, cháu NBNY, sinh ngày 17/01/2012, nay đã trên 7 tuổi. Hiện tại cháu đang ở với mẹ và cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, chị H tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng cháu nên giao cháu Y cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 14/3/2022, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh NDB mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh B đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, anh B là trường hợp được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Chị BTTH và anh NDB có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VX. Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2011, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 04/5/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh B thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến kinh tế gia đình, chăm lo vợ con cho nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh

nhật, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh B không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Chị H xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh B nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H với anh B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị H yêu cầu giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên: NBNY, sinh ngày 17/01/2012. Cháu Y đã trên 7 tuổi hiện đang sống với chị H và có nguyện vọng được sống với chị H.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị H là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Hiện cháu NBNY đang sống với chị H ổn định và tuổi còn rất nhỏ, cháu đang ở độ tuổi cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tại phiên tòa.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị BTTH không có yêu cầu nên HĐXX không không xem xét trong bản án này.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị BTTH không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị BTTH và anh NĐB là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị H thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị BTTH.

1. Về hôn nhân: Chị BTTH ly hôn anh NDB.

2. Về con chung: Giao cho chị BTTH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có tên: NBNY, sinh ngày 17/01/2012.

Anh NDB có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Bảo.

Chị BTTH trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh NDB trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị BTTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009266, ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (đã giải thích).

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án cùng cấp;*
- *UBND thị trấn Võ Xu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

-
-

Xong- xem lại điều luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

